

BÁC HỒ VỚI KIỆT TÁC *CHINH PHỤ NGÂM*

Như đã nói, trong những năm xa nước, bên ba hoạt động tại nhiều nước trên thế giới, vô cùng bận rộn lại lo kiếm sống hết sức vất vả, Bác Hồ của chúng ta vẫn không quên các tác phẩm cổ điển của dân tộc, đặc biệt là vẫn thuộc lòng *Truyện Kiều* của Nguyễn Du và *Chinh phụ ngâm* của Đoàn Thị Điểm.

Chúng ta đã có dịp nhắc lại một số trường hợp Bác lấy *Kiều* và hết sức thích thú vì những câu lấy của Bác làm rõ những ý tưởng sâu xa mà dễ hiểu và thấm thía.

Qua các hồi ký của những người được sống và làm việc bên cạnh Bác và qua thơ văn của Người, chúng ta cũng thấy Bác Hồ có sự gắn bó thật sâu sắc và nhuần nhuyễn với tác phẩm *Chinh phụ ngâm*. Điều đó khẳng định sự trân trọng của vị lãnh tụ đối với di sản văn hoá dân tộc, mặt khác nói lên rằng Người có một trí nhớ thật đặc biệt.

Trong sách *Con đường theo Bác*, nhà cách mạng Hoàng Quốc Việt đã ba lần nhắc đến việc Bác Hồ đọc và giảng thơ trong tác phẩm *Truyện Kiều* và *Chinh phụ ngâm*. Cụ thể, ở trang 31-32, ông viết:

“Ở Cốc Bó rồi Khuổi Nậm, có những tôi ngồi chung quanh nồi ngô bung, Bác kể cho dân bản nghe nhiều chuyện, rồi mang *Truyện Kiều* và *Chinh phụ ngâm* ra đọc. Bác là người am hiểu sâu sắc nền văn học nước nhà, song thích hơn cả là *Truyện Kiều* và *Chinh phụ ngâm*.

Ở trang 56-58:

“Trên đường đưa phi công Sao (Shaw) sang Trung Quốc để bàn giao cho Bộ Tư lệnh Không quân Mỹ tại Trung Quốc đóng ở Côn Minh, Bác và anh em phải đi bộ, đường vòng vèo qua biên giới Việt - Trung. Có người của Tướng Giới Thạch dẫn đường, gặp những người dân đường khó tính hoặc tuổi cao, Bác động viên, an ủi họ, nói chuyện hết sức thân tình với họ, biểu họ ít tiền gọi là trả chút công lao. Việc làm có tính chất nghĩa cử của Bác làm họ xúc động. Còn đối với anh em, để giảm bớt nỗi nhọc nhằn trên đường đi, Bác mang chuyện lịch sử nước nhà ra kể, đọc thơ *Chinh phụ ngâm* để anh em thưởng thức.

Ở trang 272:

“Hoàn thành xong nhiệm vụ chỉ đạo chiến dịch Biên Giới, Bác trở về “Phủ Chủ tịch” ở Tuyên Quang. Trên đường về, đồng bào các dân tộc đón Bác trong tình cảm của những người con đối với một người cha. Nhớ lại lúc trên đường ra trận, Bác vừa đi vừa kể cho anh em nghe về *Chinh phụ ngâm* và *Truyện Kiều*. Giờ đây, trên đường về, thơ *Chinh phụ ngâm* và *Truyện Kiều* lại được Bác ngâm lên giữa nơi núi rừng trùng điệp”.

Những điều mà ông Hoàng Quốc Việt kể cũng được một số người khác cho biết trên một số sách báo khác. Tạp chí “*Sách và đời sống*”, số 5-2007, có một chi tiết

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

cụ thể hơn nữa: “Tháng 8-1942, Bác Hồ từ Pác Bó trở lại Trung Quốc công tác. Cùng đi với Người, có đồng chí Lê Quảng Ba. Vượt qua biên giới được một chặng đường thì không may do lở núi, một tảng đá lăn vào chân đồng chí Lê Quảng Ba. Từ đó, người bạn đường của Bác đi cà nhắc rất cực. Đề động viên đồng chí Lê Quảng Ba, Bác vừa đi vừa kể và giảng *Chinh phụ ngâm*. *Vậy là mấy chục năm bốn ba khắp thế giới, Người vẫn không hề quên những áng văn tiêu biểu cho vẻ đẹp của tiếng nói Việt Nam*”. (Tôi in nghiêng - T.Đ.)

Trong cuốn *Vừa đi đường vừa kể chuyện*, tác giả T.Lan đã kể lại việc Bác Hồ đi xem xét các vùng Đông Khê và Thất Khê năm 1950, thăm thị xã Cao Bằng mới được giải phóng và dặn dò cán bộ những công việc cần phải làm. Về chặng đường trở lại Tuyên Quang, T.Lan kể: “Bác dạy chúng tôi học những đoạn *Kim Vân Kiều* và *Chinh phụ ngâm*, hoặc kể chuyện đời xưa, chuyện tiểu lâm. Vừa đi vừa ngâm nga nói cười như vậy làm cho mọi người khuây khoả, đi đường xa nhưng quên mệt mỏi...”

Họa sĩ Diệp Minh Châu, trong thiên hồi ký về những ngày được sống gần Bác để vẽ Bác (năm 1951) tại Việt Bắc, kể lại:

“Ở Việt Bắc, tôi thấy như gần ánh sáng. Núi rừng Việt Bắc tiết tháng hai, tháng ba thường bị mây mù che phủ, tôi không thể quan niệm rằng một bức tranh vẽ Bác lại có thể dùng toàn màu sắc âm u. Tôi đã đợi chờ đến lúc và tôi đã vẽ một quang cảnh núi rừng chỗ Bác làm việc: một dốc núi rêu xanh, một chiếc cầu nhỏ bắc qua con suối chảy lấp loáng như bạc, những tia nắng rực rỡ chiếu xuyên qua kẽ lá dày đặc tuôn vàng

lên nền đá dốc và Bác đang đi qua cầu. Xem bức tranh này Bác ngâm:

"Rừng thông chen chúc cành lau

Bên cầu thấp thoáng người đâu đi về..."

Bác hỏi tôi:

- Chú biết hai câu thơ đó ở đâu không?

Tôi thưa là tôi chỉ nhớ hai câu thơ đó trong một tác phẩm văn học cổ điển nhưng không nhớ rõ tác phẩm nào.

- Trong *Chinh phụ ngâm* đấy. Bác sửa đi một ít. Nguyên câu của nó là:

"Ngàn thông chen chúc khóm lau

Cách ghềnh thấp thoáng người đâu đi về"⁽¹⁾

Đó là câu chuyện của một họa sĩ kể lại. Còn bác sĩ Trần Hữu Tước, một trí thức lớn, được gần gũi Bác từ năm 1946 khi ở Pháp về, cũng có một mẩu chuyện thật lý thú. Ông kể: "Thỉnh thoảng lúc rảnh rỗi, Bác Hồ cũng đọc thơ. Có hôm, Bác đọc cho anh em nghe bài thơ Bác làm trong tù có câu *"Ngẩng đầu nhìn trăng sáng/ Cúi đầu nhớ người xa"*. Rồi Bác giải thích:

- Đó là mình phỏng thơ Lý Bạch, chứ thật ra - trong tù có nhìn thấy trăng sao gì đâu. Bây giờ mới thực là: *"Ngẩng đầu nhìn trăng sáng; cúi đầu nhớ người xa"*.

Có hôm, Bác hỏi mấy nhà trí thức có đọc *"Kiều"*, đọc *"Chinh phụ ngâm"* không? Ai nấy đều trả lời là rất thích đọc.

Bác ngoảnh sang phía tôi hỏi:

(1) *"Bác Hồ với miền Nam, miền Nam với Bác Hồ", nhiều tác giả, Nxb TP Hồ Chí Minh, 1986.*

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

- Trong *Chinh phụ ngâm* chú thích câu nào nhất, chú Tước?

- Thưa Bác, cháu thích câu: “*Hương dương lòng thiếp như hoa*”.

Bác vừa đùa vừa khen:

- À! Chú này chưa “mất gốc”!⁽¹⁾

Với một trí nhớ tuyệt vời, Bác không cần tài liệu, sách vở đã giảng cho cán bộ ta hàng loạt vấn đề về lịch sử dân tộc, về cách mạng Việt Nam, cách mạng Trung Quốc, cách mạng tháng Mười Nga... Người so sánh chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn với nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Một lần, Bác đi công tác với hai cán bộ cao cấp của quân đội trên chặng đường 35-40km, mặc dù hết sức vất vả do nhiều đèo dốc, không những giảng về chính trị bằng trí nhớ của mình, Bác còn dạy họ ngâm thơ. Bác lấy truyện thơ *Chinh phụ ngâm* ra dạy từng đoạn, từng đoạn một. Giọng ngâm thơ của Bác ấm áp, khiến những người cùng đi quên cả mệt nhọc.

... “*Chí làm trai dặm nghìn da ngựa*

Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao...”

Bác giải thích: *Chinh phụ ngâm* là một áng văn thơ cổ điển rất quý giá, mọi người nên cố gắng học thuộc lòng. Tác phẩm này dài mấy trăm câu mà Bác thuộc lâu lâu, không nhầm lẫn dù chỉ một chữ. Qua 10 ngày đi đường với Bác, khi tới nơi, hai cán bộ cao cấp nói trên cũng đã thuộc lâu mấy trăm câu thơ *Chinh phụ ngâm* do Bác dạy⁽²⁾.

(1) “*Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt*”, Nxb Thanh niên 2008.

(2) “*Hồ Chí Minh tên Người sáng mãi*”, Nxb Văn học, 2008.

Một cán bộ thời kháng chiến chống Pháp cũng kể lại cái lần được Bác dạy cho học *Chinh phụ ngâm* như vậy. Ông viết:

"Chúng tôi lại tiếp tục đi...

Đoạn đường rừng cứ tối đặc lại.

Chân Bác vẫn thoăn thoắt. Tự nhiên Bác hỏi:

- Ổ dốc này vắng đấy chứ?

- Thưa Bác, vâng!

- Các chú có buồn ngủ không?

- Thưa Bác, không ạ.

Bác cười, nói tiếp:

- Không buồn ngủ, nhưng sẽ buồn ngủ. Vậy Bác dạy các chú học nhé.

Chúng tôi bỗng nghĩ thầm, đi thế này có sách vở bút mực gì mà Bác bảo học? Nhưng chúng tôi cũng trả lời:

- Thưa Bác, vâng ạ!

Giọng Bác bỗng cất lên:

- *Thuở trời đất nổi cơn gió bụi*

Khách má hồng nhiều nỗi truân chuyên...

Bác đọc một đoạn dài. Giọng Bác trầm hùng, ấm áp. Có chỗ Bác đọc nhanh, có chỗ Bác đọc chậm hay nhỏ lại.

Đồng chí Chung hỏi:

- Thưa Bác, Bác dạy thơ đấy ạ?

- Đây là *Chinh phụ ngâm*, là thơ của ta trước. Hay lắm. Hay lắm. Các chú phải học, phải đọc to lên, vừa vui vừa hay. Ở miền xuôi, bà cụ nào, ông cụ nào cũng thuộc hết. Người ta ru con hàng ngày đấy. Nào các chú, bắt đầu!

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Bác đọc từng đoạn một, bảo chúng tôi đọc lại to lên. Bác chưa từng lời đọc sai. Và Bác giảng:

- "*Nửa đêm truyền hịch định ngày xuất chinh*", đây truyền hịch như là Bác kêu gọi toàn quốc kháng chiến ngày 19-12-1946. Thực dân Pháp phản bội thì ta phải truyền hịch, phải xuất chinh đánh giặc.

Xong đoạn này, Bác tiếp sang đoạn khác. Lúc Bác đọc, lúc Bác ngâm. Mỗi chúng tôi cùng đọc cùng ngâm theo Bác.

Chúng tôi di quên cả buồn ngủ, quên cả mệt nhọc. Bác nhắc:

- Các chú phải đọc to lên cho thuộc lòng.

Có lẽ không có sự động viên nào lý thú và bổ ích bằng sự động viên của Bác trên đoạn đường này trong những ngày kháng chiến. Ngoài những lời Bác dạy hằng ngày, Bác đã cho chúng tôi một quyển *Chinh phụ ngâm* mà Bác đã thuộc từ lâu lắm...⁽¹⁾

*

* *

Trong sự nghiệp sáng tác của mình, Bác Hồ cũng từng viết một số bài thơ mượn lời thơ quen thuộc của *Chinh phụ ngâm* để gửi gắm tình cảm đối với thân phận con người trong chiến tranh. Trước cách mạng tháng Tám 1945, có hai trường hợp như vậy. Ở trường hợp thứ nhất, theo nhà sử học Đỗ Quang Hưng cho biết, là bài *Chinh phụ ngâm* (nhại) đăng trên tờ *Đ.T.*, số 1, 1940, dài 45 câu, đã khéo léo đưa tư tưởng "biến chiến tranh đế quốc thành nội chiến cách mạng" của Lênin vào thi ca:

(1) Dẫn theo sách "*Minh triết Hồ Chí Minh*", Nxb Văn hoá - Thông tin, 1999.

TRẦN ĐƯƠNG

*Bọn đế quốc hung tàn ác nghiệt
Ăn thịt người không biết mùi tanh
Gây nên phi nghĩa chiến tranh
Tranh quyền lợi để tội tình dân ta...*

Để nói lên tâm trạng của người chinh phụ, Bác đã viết những câu thơ giàu hình ảnh, chất văn học cao:

*Kể từ lúc tiễn đưa chàng trai
Trăng khuyết tròn đã bảy phen rồi
Nhạn hồng vắng vẻ tấm hơi
Tưởng người góc biển chân trời mà thương.*

Hoặc

*Càng nghĩ càng băn khoăn tức tối
Nhớ thương ai thêm tủi phận mình
Bóng câu thấp thoáng bên màn
Má hồng lặn dần ngày xanh lơ làng...*

Trường hợp thứ hai là bài mang tên “Chinh phụ ngâm của người Đức” đăng trên báo *Việt Nam độc lập*, số 120 ra ngày 10-3-1942, dài 36 câu. Trên báo *Văn nghệ*, số 24 (17-6-2006), nhà giáo Vũ Châu Quán đã giới thiệu bài thơ này: Bác Hồ viết bài thơ theo hình thức một bức thư, thác lời một vợ lính Đức có chồng ở trong hàng ngũ phát xít đang bị cưỡng ép theo đuổi cuộc chinh chiến tuyệt vọng.

*Đường thiếp về, sương rơi như tuyết
Đường chàng đi, tuyết nhút như sương
Nhớ chàng lòng thiếp vấn vương
Phân sầu phận thiếp, phần thương phận chàng.*

Bức tranh qua trí tưởng tượng của người vợ lính Đức là cuộc tiến công hùng dũng, quyết liệt của Hồng quân Nga vào đội quân phát xít.

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

*Tàu Nga vùn vụt bay qua
Kinh thiên động địa ban sa đầy thành
Phía Đông thành tan tành xương máu
Phía Tây thành mù cháy cửa nhà
Bá Linh có tiếng gân xa
Xưa kia lâu các nay là đồng tro...*

Sau khi dẫn hai câu thơ cuối “*Cờ hồng phấp phới bốn phương / Muôn dân đều bước lên đường tự do*”, Vũ Châu Quán cho rằng: “Bài thơ xuất hiện vào tháng 3 năm 1942 càng chứng tỏ một trình độ nhận thức sâu sắc của người viết. Giữa lúc cả thế giới còn lo ngại về sức mạnh của quân phát xít Đức và lực lượng Hồng quân Nga chưa phải đã chiếm ưu thế thật rõ rệt, bài thơ ra đời là những lời tiên đoán, những lời dự cảm tài tình”.

Sau chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ, Bác mượn lời thơ *Chinh phụ ngâm* viết hai bài: “*Nava Chinh phu ngâm*” và “*Chinh phụ ngâm mới*”. Bài thứ nhất đăng trên báo *Cứu quốc*, số ra ngày 16-6-1954 là nhằm “tổng tiễn Nava về Tây”, “với lời phụ chú mỉa mai, hóm hỉnh để trong ngoặc đơn: viết thay Nava khi y bị cách chức”. Đầu đề bài thơ là “*Nava chinh phu ngâm*”! Tác giả lại cẩn thận ghi ở cuối trang bản thảo đánh máy dòng chữ sau đây: *Chú ý: Chinh phu chứ không phải chinh phụ*. Có nghĩa rằng khúc ngâm “ai oán” này không còn là của người vợ lính trong khúc ngâm nổi tiếng nguyên bản của Đặng Trần Côn, được tôn thêm bao lần giá trị trong bản dịch tuyệt vời của một thi nhân khác, hãy cứ tạm cho là của Đoàn Thị Điểm như lâu nay ta vẫn định ninh như thế; mà là

khúc ngâm của chính người lính viễn chinh thất trận Nava vì “kế hoạch” tan thành mây khói.”

Xin trích mấy câu đầu của bài thơ:

*Thuở trời đất nổi cơn gió bụi
Khiến Nava nhiều nỗi truân chuyên
Thua to ở trận Điện Biên
Vì ai kế hoạch mà nên nỗi này!*

*Cút về Tây tẩm lòng xấu hổ
Xấu hổ này biết đổ ai đây?
Bước chân lên chiếc tàu bay
Bước đi một bước giây giây lại dừng...*

Một bài khác là “*Chinh phụ ngâm mới*”, đăng trên báo *Nhân dân*, ngày 6-5-1955 để lên án âm mưu, hành động dã man của bọn Mỹ - Diệm đang gây ra ở hai miền Nam - Bắc nước ta.

Bài thơ mở đầu bằng bốn câu như sau:

*Thuở phe phái hục nhau túi bụi
Đồng bào Nam nhiều nỗi truân chuyên
Vì Ngô Đình Diệm rõ điên
Mỹ kia can thiệp, mà nên nỗi này...*

*

* *

Đọc thuộc và giảng *Chinh phụ ngâm*, lại làm thơ theo giọng thơ quen thuộc của *Chinh phụ ngâm* để người đọc dễ thuộc, đó là một trong những nét độc đáo của Bác Hồ trong quá trình tiếp nhận tinh hoa văn hoá dân tộc. Dù đã biết Người là một bậc vĩ nhân, có

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

trí tuệ hơn người, chúng ta vẫn không biết ngạc nhiên về trí nhớ kỳ lạ trong nhiều vấn đề lịch sử, địa lý, chính trị, văn học - nghệ thuật mà Người đã thể hiện qua nhiều sự việc và tác phẩm. Đi xa nước ngót ba thập kỷ, học hàng loạt ngoại ngữ, đọc hàng trăm tác phẩm của nhân loại, mà Người vẫn thuộc *Kiều*, thuộc *Chinh phụ ngâm*, hàng loạt câu ca dao, tục ngữ của dân tộc - chỉ một khía cạnh này thôi cũng đủ nói về trí nhớ kỳ lạ của Bác kính yêu.

TRÍ NHỚ TUYỆT VỜI

Ngày 15-4-1957, sau 52 năm xa cách, Bác Hồ mới có dịp về thăm quê nhà. Bà con làng Kim Liên, huyện Nam Đàn, tỉnh Nghệ An, từng bừng đón Bác. Người xúc động vẫy tay chào mọi người. Bỗng Bác dừng lại nhìn kỹ một ông già mặc bộ quần áo nâu mới còn rõ nếp gấp, tuổi trạc tuổi Bác, râu tóc cũng đã bạc như Bác. Ông già cũng chăm chú nhìn lại. Rồi, trước sự ngạc nhiên của mọi người, Bác siết chặt tay ông già ấy, quàng vai đi bên nhau mấy bước, chỉ xuống mặt giếng Cốc (như cái ao nhỏ) nói:

- Ngày xưa choa với mi cùng câu cá ở đó.

Ông già đó là Cố Điền, bạn thời thơ ấu cùng đánh khăng, đánh đáo với Bác, nay làm nghề thợ rèn. Không chỉ Cố Điền cảm động ứa nước mắt, mà bà con trong làng, trong xã được chứng kiến cảnh trí ngộ ấy ai cũng bồi ngùi thấm thía kính phục Bác. Hơn nửa thế kỷ trôi qua, bốn ba hầu hết các châu lục trên thế giới, Bác vẫn nhớ người bạn từ thuở hàn vi, xưng hô với nhau như hồi còn thơ ấu.

Thăm nhà cũ, Bác nhanh nhẹn quẹo vào con đường nhỏ dẫn đến ngôi nhà. Tần ngần trước hàng đậu râm bụt lá xanh muốt chỉ chít những bông hoa đỏ rực, Bác dùng hai tay rẽ cành sang hai bên, nói:

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

- Hồi nớ cái cổng nhà choa ở chỗ nì, chớ không phải chỗ tê mô!

Bác bước qua sân rồi vào nhà, thấp nén hương lên bàn thờ gia tiên. Lát sau quay lại Bác nói:

- Ngày xưa nhà Bác nghèo, bàn thờ làm bằng tre chớ không phải bằng gỗ như ri mô.

Bác ngồi xuống chiếc phản gỗ, chăm chú nhìn từng đường vân, xòe tay đo chiều dài, chiều rộng rồi Bác nói:

- Cái phản nì đúng là cái phản hồi nhỏ Bác ngồi, nhưng so với trước nó ngắn hơn một chút.

Đúng là như thế. Bởi vì chiếc phản này sau bao năm chiến tranh, giặc già liên miên đã qua nhiều chủ, các cán bộ địa phương phải vất vả lắm mới sưu tầm về được. Do một góc phản bị lửa táp cháy, người ta phải cắt bớt, tấm phản ngắn đi chút ít.

Mọi người vô cùng ngạc nhiên về trí nhớ tuyệt vời của Bác.

(Theo Nhân dân hằng tháng, số 9/1998)

MỘT “SỰ KIỆN VĂN CHƯƠNG” LÝ THÚ

Ngày 16-6-1957. Bác về đến Quảng Bình bằng máy bay chuyên cơ Đacôta IL II.203. Đây là chuyến đi thăm các tỉnh miền Trung sau Thanh Hoá, Nghệ An, rồi đến Quảng Bình của phái đoàn Chính phủ, do Bác dẫn đầu.

Hôm đó, Bác và các vị cùng đi ăn cơm trưa với Bác ở nhà khách Tỉnh uỷ. Sau bữa cơm, sang phòng trà, Bác hỏi:

- Thuở còn nhỏ, đi ngang Quảng Bình đến Đá Nhảy (một địa danh kỳ quan sát Quốc lộ 1A, phía Bắc đèo Lý Hoà - Bố Trạch), Bác nhớ chuyện của thân sinh kể lại, ở đây các cụ đã từng thách đối bốn chữ: “*Bò, đi, đá, nhảy*”, bây giờ đã có ai đối được chưa?

Nghe Bác hỏi, ông Phạm Thanh Đàm, Trưởng ty Công an Quảng Bình thưa lại:

- Dạ, thưa Bác, cháu có nghe rằng có người đã đối được rồi ạ. Họ đối là: “*Hùm, hét, la, hà*”.

Về đối thật là hóc búa. “*Bò, đi, đá, nhảy*” là bốn động từ chỉ hành vi của cái chân con người. Nhưng hai từ ghép một, thì chỉ con bò đang đi trên đất Đá Nhảy. Còn về đối quả thật tài ba: “*Hùm, hét, la, hà*” là bốn hành vi của cái miệng con người. Nhưng cứ hai

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

từ ghép lại thì chỉ còn hùm (con hổ) đang hét trên đất La Hà.

Nghe ông Đàm thuật lại về đôi. Bác gật đầu:

- Vế đôi thật là hay, sắc sảo!

Nhưng sau đó Bác cười mà nói:

- Nhưng chưa chỉnh.

Chưa hiểu tại sao thì Bác đã giải thích với mọi người:

- Đá Nhảy, làng sát đường, có bò đi là đúng. Còn La Hà là một hòn đảo chơi vơi giữa sông Gianh, làm sao hùm có thể về được mà “hét”!

Mọi người ô lên, thú vị trước sự hiểu biết địa lý, văn chương của Bác tại Quảng Bình sâu sắc đến thế.

(Theo báo Văn nghệ, số 34, ngày 23-8-2008)

NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BÀ TỔNG KHÁNH LINH

Vì được dịch tiếng Nga giúp Bác, nên tôi luôn luôn được dự ăn cơm với Bác khi Bác ra nước ngoài. Trong bữa cơm tôi ở nước ngoài, anh Ba Duẩn hỏi Bác:

- Nghe nói bà Tổng Khánh Linh có quen Bác và rất kính trọng Bác, Bác có chuyện gì kể cho con cháu nghe.

Bác nói:

- Các chú muốn biết thì Bác kể: Khi bà Tổng Khánh Linh qua Pháp, có chủ động tìm gặp Bác, tỏ ý rất tán thành chủ trương chính sách chống chủ nghĩa thực dân do Bác nêu ra và cần có sự liên kết giữa các nước để chống lại những âm mưu xâm lược của chủ nghĩa thực dân đế quốc. Bà Tổng Khánh Linh là người thông minh, dũng cảm và kiên quyết bảo vệ học thuyết Tam dân chủ nghĩa của ông Tôn Dật Tiên và rất ca ngợi chính sách thức thời của chồng bà. Bà là "liên Nga, thân cộng". Khi chồng bà còn sống, có nhận được thư của Bác gửi ông Tôn Dật Tiên và bà. Bà nói: "Ông Tôn Dật Tiên đánh giá cao những chính kiến của Bác nêu trong thư". Chồng bà có kể lại cho bà nghe là: Trước Cách mạng Tân Hợi năm 1911, bị đối phương lừa bắt, nhiều khi ông Tôn Dật Tiên phải cải

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

trang và ăn náu ở một số nước Đông Nam Á, trong đó có Việt Nam. Bà cho biết về những buổi bút đàm rất tương đắc giữa hai vị yêu nước Tôn Dật Tiên và Phan Bội Châu mà chồng bà đã kể lại cho bà nghe.

Bác kể tiếp:

- Có một chuyện thú vị là khi Bác đang công tác ở Đông Dương bộ thuộc Quốc tế Cộng sản thì có nhận được trách nhiệm là cần giao gấp một thư của Quốc tế Cộng sản gửi bà Tống Khánh Linh hiện đang ở Quảng châu. Bác nói lúc ấy, ông Tôn Dật Tiên đã mất, bà Tống Khánh Linh vẫn tiếp tục hoạt động thực hiện những lý tưởng của chồng. Ông Tưởng Giới Thạch, lúc đó là Tổng thống Trung Hoa dân quốc, miêng thì nói vẫn tôn sùng ông Tôn Dật Tiên, coi là bậc sư phụ, nhưng bên trong thì làm ngược lại những chủ trương, chính sách của ông Tôn Dật Tiên. Do đó, ông Tưởng Giới Thạch không ưa gì những hoạt động chính trị của bà Tống Khánh Linh, nhưng bề ngoài vẫn rất kính nể bà. Chỗ lưu trú của bà Tôn Dật Tiên ở Quảng Châu (hoặc Thượng Hải,...) đều được ông Tưởng Giới Thạch cho quân lính canh gác rất cẩn mật, bề ngoài tỏ ra coi trọng, bảo vệ bà, nhưng bên trong chính là muốn hạn chế quan hệ chính trị của bà, nhất là với người nước ngoài.

Bác nói tiếp:

- Lúc đó, Quảng Châu đã là một trong những thành phố lớn của Trung Quốc, đã có nhà chọc trời mấy chục tầng. Nhà ở của bà Tống Khánh Linh được canh gác kỹ lưỡng. Muốn vào đưa thư tận tay cho bà thật không đơn giản. Nhưng nắm được tâm lý mấy lính Tưởng Giới Thạch là rất coi trọng hình thức, rất sợ

những người giàu sang quyền quý, nên Bác nghĩ ngay ra một cách: thuê một ô tô có người lái vào loại sang nhất, một bộ smocking kèm mũ phớt, ba toong, đôi giày và kính mắt cũng vào loại sang nhất, và Bác cứ dăng hoàng đi vào nhà bà Tống Khánh Linh. Máy lính Tưởng thấy xe ô tô bóng nhoáng, người ngồi trong xe ăn mặc sang trọng, nên vội vàng bỗng sững chào, không hỏi han gì, và Bác đã ung dung đi lọt cả ba cửa canh. Vào đến nơi, vừa gặp bà Tống Khánh Linh đang bước ra cửa. Thấy Bác, bà Tống Khánh Linh mừng rỡ và mời Bác vào phòng khách. Bác kể cho bà Tống Khánh Linh việc vào gặp bà. Bà Tống Khánh Linh tỏ ý rất vui mừng. Bác trao thư và sau khi hàn huyên về tình hình thế giới, Bác xin cáo từ. Bà Tống Khánh Linh cảm ơn Bác và tiễn Bác ra sân tận cổng.

Kể xong, Bác cười nói:

- Các chú hỏi thì Bác kể, đừng nói Bác “mèo khen mèo dài đuôi” nhé!

*(Theo lời kể của Đại sứ Nguyễn Tiến Thông,
sách "Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao")*

BÁC KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ NGOẠI GIAO

Lần ấy, Hội nghị ngoại giao được Bác Hồ đến nói chuyện. Bác nói đại ý mà tôi còn ghi lại được: Các cô, các chú đã thảo luận nhiều về chính trị ngoại giao. Hôm nay, Bác không nói lý luận chính trị, Bác chỉ kể chuyện cổ tích có liên quan đến ngoại giao. Bác nghĩ các cô các chú làm ngoại giao thì nên biết.

Câu chuyện thứ nhất là của ta: Mạc Đĩnh Chi người trông bình thường, nhưng rất thông minh, học rộng biết nhiều. Những lần đi sứ sang nhà Nguyên, người Nguyên rất kính phục. Một lần, ông có việc vào phủ Tể tướng nhà Nguyên. Đến nơi, có bức trướng thêu con chim sẻ đậu trên cành trúc, trông giống hệt con chim thật. Ông lại gần và giang tay ra bắt, những người nhà Nguyên có mặt ở đó đều cười âm lên. Ông biết mình nhầm, nhưng rất thản nhiên không hề bối rối, liền cầm bức trướng xé toạc ra. Người Nguyên hết sức ngạc nhiên vì đây là bức trướng đẹp nhất của Tể tướng. Ông ung dung nói: “Sách Bắc sử cũng như các sách khác chỉ ghi “mai tước họa” (bức vẽ chim sẻ đậu trên cành mai), không hề nói “trúc tước họa” (bức vẽ chim sẻ đậu trên cành trúc). Nay Tể tướng lại treo bức trướng “trúc tước”. “Trúc” là quân tử, “tước” là tiểu nhân, thế mà tiểu nhân lại đậu lên mình quân tử. Tôi e rằng cái “đạo tiểu nhân” sẽ ngày càng phát triển một cách tàn nhẫn,

còn “đạo quân tử” ngày một tiêu tan. Cho nên, tôi phải “vì thiên triều” mà trừ trước cái họa ấy”. Mọi người nghe nói đều phục Mạc Đĩnh Chi có tài biện luận đã đành, nhưng lại biện luận rất chính xác, nên đành chịu bỏ bức trướng, không dám bắt bẻ điều gì.

Bác nói rằng chuyện này chưa biết có thật hay không. Dù sao, cái tài ứng biến của trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi, thì xưa nay nhân dân ta vẫn truyền tụng.

Câu chuyện thứ hai của Trung Quốc thời Chiến quốc: Nước nào mạnh nhất, thì làm bá chủ, đứng đầu các nước và các nước khác hằng năm đều phải cử sứ thần mang các vật báu sang triều cống. Lúc ấy, nước Sở ở phía bắc sông Hoài là nước bá chủ. Nước Tề, ở phía nam sông Hoài, cử sứ thần sang Sở triều cống. Vì vốn ghét nước Tề, nên vua Sở định nhân dịp này làm nhục sứ Tề, không cho mở cửa thành để sứ thần Tề vào Sở, mà lại khoét một lỗ nhỏ bên cạnh cửa thành, buộc sứ thần Tề chui qua lỗ đó mà vào. Sứ thần Tề không chịu, đứng ở trước cửa thành la to: “Ta là sứ thần nước Tề, sang nước “người”, không phải đi sang nước “chó”, nên không thể chui qua lỗ được!”. Vua Sở nghe nói lấy làm hổ thẹn, bèn phải cho mở cửa thành để sứ ra vào. Thế là vua Sở thua 1-0.

Nhưng vua Sở vẫn chưa chịu bỏ cuộc. Đang lúc nhà vua tiếp sứ Tề thì có tiếng la mắng, đánh đập ở ngoài. Vua Sở quát hỏi chuyện gì. Viên cận thần tâu: “Người nước Tề sang nước Sở ăn trộm, nên bị bắt và bị đánh”. Sứ thần Tề bình tĩnh tâu rằng: “Cây cam trồng ở phía nam sông Hoài bao giờ quả cũng ngọt, nhưng nếu trồng ở phía bắc sông Hoài thì quả lại chua. Người

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

nước Tề sống trên đất Tề rất tốt, nhưng sang Sở lại hóa ra hư hỏng, trộm cắp”.

Vua Sở giật mình, phải cho qua câu chuyện. Như vậy vua Sở đã thua 2-0.

Nhưng vua Sở bỗng đổi sắc mặt giận dữ quát: “Nước Tề thiếu gì người, có sao lại cử nhà người vừa lùn, vừa bé sang làm sứ thần ở nước Sở”.

Sứ Tề ung dung trả lời: “Nước Tề chúng tôi có ba loại người: Người cao to, tài cao, học rộng thì đi sứ sang các nước trượng phu, hào hiệp. Loại người thứ hai cũng tài giỏi nhưng thấp hơn một chút, thì đi sứ thần sang những nước có tấm lòng tốt. Còn loại người thứ ba thấp bé như tôi, thì đi sứ thần sang những nước xấu xa, tồi tệ”. Vua Sở đĩnh người, nhưng không dám hăm hại và sứ thần Tề đã ra về thắng lợi, an toàn. Như vậy, vua Sở đã thua liên 3-0.

Tôi nghĩ: đọc mấy pho sách chưa chắc đã thấm thía bằng hai câu chuyện như vậy, vừa thâm thúy, vừa sâu sắc, vừa có tính giáo dục rất cao. Nhà ngoại giao phải hiểu biết rộng và có bản lĩnh thì mới làm tròn được nhiệm vụ.

(Theo lời kể của Đại sứ Nguyễn Tiến Thông, sách “Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao”)

CẢNH CŨ NGƯỜI XUA...

Trong cuộc đời hoạt động cách mạng vô cùng phong phú và đẹp đẽ, Bác Hồ có hàng ngàn hàng trăm ngàn kỷ niệm sinh động về những con người và những địa danh cụ thể. Người ít nói về chuyện riêng, nhưng vào những dịp cần thiết, Người nhắc lại một vài kỷ niệm, chứng tỏ Người có một trí nhớ rất đặc biệt. Dưới đây chỉ là một vài ví dụ.

Tháng 2 năm 1958, Bác Hồ đã sang thăm hữu nghị chính thức Ấn Độ. Tại một buổi chiêu đãi trọng thể, Thủ tướng Nêru nói:

- Hồ Chủ tịch là một nhân vật đặc biệt, tính rất giản dị nhưng lòng rất rộng rãi. Hôm qua khi từ sân bay về, Hồ Chủ tịch nói với tôi rằng Ngài có đem từ Hà Nội sang một vòng hoa và một cây đại để đặt và trồng ở nơi kỷ niệm Thánh Găngđi. Ngài còn nói thêm rằng cũng có đưa vòng hoa và cây đào để kỷ niệm ông cụ thân sinh tôi. Hồ Chủ tịch gặp ông cụ thân sinh tôi ở Thủ đô nước Bỉ năm 1927 trong một hội nghị quốc tế chống chủ nghĩa thực dân. Một cuộc gặp gỡ ngắn và cách đây đã lâu năm mà Hồ Chủ tịch còn nhớ đến cụ thân sinh tôi. Đó tuy là một việc bình thường, nhưng nó chứng tỏ một cách rõ rệt phẩm chất vĩ đại của Hồ Chủ tịch.

Nghe Thủ tướng nói, mọi người rất cảm động. Những người có mặt như thấy một quãng thời gian

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

lịch sử đẹp đẽ của tình hữu nghị Ấn - Việt, trong đó hiện lên những gương mặt rạng rỡ của ba thế hệ trong gia đình Nêru. dịp ấy, Bác Hồ báo cho Thủ tướng Nêru biết ý định sẽ tự mình đặt vòng hoa tại mộ cụ Môlilam Nêru. Thủ tướng rất xúc động, cứ nghẹn ngào không nói nên lời. Thủ tướng nghĩ đến người cha thân yêu. Vị thân phụ và Hồ Chủ tịch xa cách nhau đã trên 30 năm, vậy mà, bây giờ, Hồ Chủ tịch vẫn nhớ đến bậc tiền bối già cùng chí hướng. Thủ tướng ca ngợi tấm lòng chung thủy vô hạn của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

*

* *

Bác Hồ có quan hệ mật thiết với nhiều nhà cách mạng Trung Quốc, trong đó có Thủ tướng Chu Ân Lai. Bác Hồ còn nhớ mãi lần gặp đầu tiên trên với người thanh niên cách mạng Trung Quốc trong một ga tàu ngầm ở Paris giữa một ngày thu năm 1922. Nguyễn Ái Quốc cảm thấy rất yêu mến, tin tưởng chàng thanh niên họ Chu bởi vẻ mặt chất phác, phúc hậu, nhân từ, lịch lãm và phong thái đĩnh đạc, quyết đoán. Còn với Chu Ân Lai, ông đã bị cuốn hút hoàn toàn bởi con người hơn 30 tuổi do phải làm việc vất vả có vẻ hơi khắc khổ, nhưng có đôi mắt sáng rực toát lên ý chí, nghị lực phi thường. Cuộc gặp ấy đã gây cho Chu Ân Lai một "ấn tượng vô cùng sâu sắc" về Nguyễn Ái Quốc.

Cuộc gặp nói trên là sự mở đầu cho một tình bạn chiến đấu vĩ đại lâu dài giữa hai vị lãnh tụ. Rất nhiều lần, Bác Hồ nói với nhân dân Trung Hoa: "Đồng chí Chu Ân Lai là người anh em thân thiết của tôi!"

*

* *

Không câu nệ vào nghi thức ngoại giao mà lấy tình nghĩa trước sau như một, nhiều khi Bác chủ động đến thăm những vị khách nước ngoài giữ cương vị thấp hơn. Một lần, Chủ tịch Quốc hội một nước xã hội chủ nghĩa sang thăm nước ta, ông ở Nhà khách Chính phủ (12 Ngô Quyền, Hà Nội). Sáng sớm hôm sau khi khách đến Hà Nội, vào khoảng 6 giờ, Bác đã chủ động đến thăm vợ chồng vị khách quý. Vị khách rất xúc động, nhưng tỏ ra băn khoăn:

- Đáng lẽ tôi phải đến chào đồng chí chứ, đồng chí lại đích thân tới thăm vợ chồng tôi, thế này thì chúng tôi thấy áy náy quá!

Bác đáp lại:

- Tôi đã nghe đồng chí giảng bài tại trường đại học Phương Đông. Việt Nam có câu “nhất tự vi sư, bán tự vi sư”, thầy đến nhà làm sao trò lại có thể không đến chào thầy? Hơn nữa, cô ấy (Bác chỉ bà vợ của khách) lại là em nuôi tôi, làm sao tôi lại không đến thăm được?

*

* *

Năm 1966, ông Vôn-căng Bai-roi-thơ dẫn đầu một đoàn đại biểu của Liên hiệp Công đoàn tự do Đức sang thăm Việt Nam. Lúc đó, ông là Ủy viên Đoàn Chủ tịch Liên hiệp và đã được Bác Hồ tiếp. Ông rất cảm động vì ông nghĩ: giữa những ngày hết sức sôi động này, Bác Hồ - vị lãnh tụ tối cao của nhân dân Việt Nam đang bận rộn với biết bao công việc cấp bách, quan trọng, làm sao lại có thể dành thì giờ tiếp

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

ông và các thành viên của đoàn? Theo ông, tuy là trưởng đoàn, nhưng ông chỉ giữ cương vị thấp, chưa đủ tư cách để được một vị nguyên thủ quốc gia tiếp.

Nhưng, rồi ông hiểu: Bác Hồ không câu nệ vào cấp bậc, địa vị xã hội, mà đã coi ông và các vị cùng đi như những sứ giả của giai cấp công nhân từ một nước anh em đến với dân tộc Người trong những ngày chiến đấu quyết liệt này.

Và, Người đã tiếp đoàn với một tình cảm chân thành của một người từng gắn bó với phong trào cách mạng Đức trong suốt 4 thập kỷ qua. Trong câu chuyện cởi mở, Người cho biết: Người đã sang hoạt động ở Đức năm 1928. Nghe đến con số "1928", Vôn-căng Bairoithơ chợt liên tưởng đến cái năm ông ra đời, ông đâu có ngờ rằng, khi ông còn chưa được làm người, Bác Hồ đã bôn ba hoạt động trên đất nước ông. Người ân cần thăm hỏi những biến đổi của thành phố Béclin và nhắc đến tên một vài đường phố, khu phố mà Người đã từng qua. Người quen biết nhiều vị trong Đoàn Chủ tịch Đảng Cộng sản Đức do Enx-tơ Ten-liman đứng đầu và tỏ ra rất khâm phục truyền thống đấu tranh của công nhân Đức. Người có quan hệ mật thiết với Enx-tơ Ten-lơ-man, Vin-hem Pích, Van-tơ Un-brich, Mác Raiman và nhiều vị cách mạng tiên bối khác.

Nghe Bác Hồ kể chuyện, Vôn-căng Bairoithơ có cảm giác đang sống trong một thiên truyện lịch sử sinh động của phong trào công nhân Đức, qua trí nhớ siêu việt của một vị lãnh tụ Việt Nam.

*(Theo sách "Bác Hồ như chúng tôi đã biết",
"Theo bước chân Người")*

VỚI NGƯỜI BẠN NHỎ NĂM XƯA

Anh V. Mácxinốp, một nhà báo, nhà địa lý của Liên Xô trước đây, năm 1924 vừa tròn 12 tuổi, đã có dịp làm quen với Bác Hồ ở Mátxcơva và sau đó nhiều lần được gặp Bác.

Năm 1924, tờ báo đầu tiên của thiếu nhi Mátxcơva ra đời với cái tên *Những người xây dựng trẻ*. Bên cạnh các nhà văn, nhà sử phạm, tham gia Ban Biên tập còn có các em thiếu nhi, trong đó có V. Mácxinốp. Những em được chọn vào Ban Biên tập đều thông minh, học giỏi, nhanh nhẹn. Đến khu tập thể Cammille (Quốc tế Cộng sản) Mácxinốp được làm quen với lòng chí Nguyễn Ái Quốc và được đồng chí hỏi về tờ báo, về câu chuyện của thiếu sinh quân. Trước khi chia tay, Nguyễn Ái Quốc viết bằng tiếng Việt vào quyển vở của Mácxinốp một câu: *"Các em hãy đi theo con đường của Lenin!"*

Ngày 15-6 năm đó, trên những ngọn đồi Lenin rộng lớn ở Mátxcơva, đã có cuộc gặp gỡ của nhân dân thành phố này với các đại biểu dự Đại hội V Quốc tế Cộng sản. Khi Mácxinốp tới, thì có người vỗ vào vai và gọi tên. Mácxinốp quay lại, nhận ra Nguyễn Ái Quốc mà em vừa được làm quen. Sau đó, ngày 6-7, trên Quảng trường tháng Mười, Mácxinốp lại thấy Nguyễn Ái

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

Quốc trên lễ đài một cuộc họp mặt lớn, đứng cạnh M.I. Kalinin, M.V. Phơrưndê, K. E. Vôrôxilốp... Mácxinốp nghĩ ngay đến việc mời đồng chí Nguyễn Ái Quốc làm cộng tác viên của tờ *Những người xây dựng trẻ*. Đồng chí Nguyễn Ái Quốc đồng ý và kể cho các em thiếu nhi Liên Xô nghe về trẻ em Việt Nam và cuộc sống cực khổ, làm than dưới ánh áp bức thực dân, phong kiến mà người dân Việt Nam phải chịu đựng.

Năm 1934, tức là 10 năm sau, Mácxinốp gặp lại Nguyễn Ái Quốc ở Quảng trường Arôbat và phố Vôrôpxki. Lúc ấy, đồng chí đang giảng bài ở Trường Quốc tế Lênin.

Nhiều năm sau, xem báo Nga, Mácxinốp thấy ảnh một người đứng tuổi, có râu, vẻ mặt thông minh và lịch lãm, những nét trên mặt người đó rất quen thuộc và gần gũi với Mácxinốp, nhưng lại mang họ tên hoàn toàn khác. Mácxinốp viết thư cho Đại sứ quán ta tại Liên Xô, kể lại việc quen biết đồng chí Nguyễn Ái Quốc từ năm 1924 và gửi kèm theo tấm ảnh chụp chung với Người hồi đó.

Mấy chục năm sau, một hôm, Mácxinốp đi làm về, vợ anh báo tin: "Nhà ta có tin mừng!" và đưa cho chồng cô tấm ảnh to kèm theo dòng chữ: "*Lời chúc mừng thăm thiết. Ngày 27-8-1957 - Hồ Chí Minh*".

Mácxinốp reo lên:

- Đây chính là đồng chí Nguyễn Ái Quốc, người bạn rất thân yêu, rất kính trọng của tôi. Thật sung sướng và tự hào, vì Người vẫn không quên một công dân Liên Xô từ khi còn là một thiếu nhi!

Những năm sau, Mácxinốp còn nhận được nhiều thiệp chúc mừng của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dù bạn

rộn với trăm ngàn công việc. Người và không quên người bạn nhỏ năm xưa. Anh tỏ ý đưc gặp Người. Năm đó là 1961. Nhưng, do thời gia gấp gáp với hàng loạt công việc trọng đại mà Người phải làm trong thời điểm đó, Bác không thể đáp lại nguyện vọng của anh. Song, Người vẫn có thư gửi anh:

"Đồng chí Mácxinốp thân mến, tôi ất tiếc không thể gặp riêng đồng chí được. Tôi gửi đến đồng chí và gia đình đồng chí lời chúc mừng sức khoẻ và hạnh phúc. Đồng thời, tôi gửi đến đồng chí cuốn sổ tay làm món quà kỷ niệm.

IỐ CHÍ MINH".

Đọc thư và nhận quà của Bác Hồ Mácxinốp vô cùng sung sướng và tự hào.

“SUỐT DỜI TÔI VẪN NHỚ...”

Blaga Dimitrova, nhà thơ nổi tiếng Bungari, tác giả của những tác phẩm gây xúc động lớn về Việt Nam và Chủ tịch Hồ Chí Minh, đã từng sang thăm nước ta vào những năm chiến tranh phá hoại của giặc Mỹ diễn ra hết sức ác liệt ở miền Bắc. Sau chuyến đi ấy, bà hoàn thành tập thơ *“Vây giữa tình yêu”* và tập bút ký *“Ngày phán xử cuối cùng”*. Riêng về Bác Hồ, bà có bài viết nổi tiếng *“Niềm hi vọng có tên là Hồ Chí Minh”*. Trong bài viết này, bà cho biết: Bác Hồ đã tiếp bà trong “một ngôi nhà nhỏ nằm dưới bóng râm lặng lẽ” và bằng “những chén nước trà ướp hoa sen, một khay muối tiêu”. Khi kể cho Bác Hồ nghe về những địa danh Việt Nam mà bà đã đến, bà được Người lưu ý đến cách phát âm, đến nhạc điệu của ngôn ngữ Việt Nam. Bà viết: *“Người lấy tay phác ra trước mặt những nấc thang cao thấp và giải thích rõ thanh điệu nào ứng với những nấc thang nào, giọng nói cần phải lên xuống, thấp cao ra sao. Chỉ có một nhà thơ mới có thể cảm thụ ngôn ngữ dân tộc mình một cách tinh tế như vậy”*.

Với sự tin cậy - như lời Blaga Dimitrova viết - Bác Hồ đã kể cho bà nghe một câu chuyện Người chưa

từng kể với ai. Bác nói: “Có lần tôi được gặp Giéocghi Dimitrôp¹. Suốt đời tôi vẫn nhớ lần gặp gỡ ấy. Đó là sau Đại hội Quốc tế Công sản lần thứ VII. Tôi sắp lên đường về nước. Dimitrôp chìa tay ra cho tôi bắt và nói: “Chúc anh may mắn! Hãy dựa hẳn vào quần chúng nhân dân”. Tôi ngạc nhiên nhìn đồng chí. Làm sao dựa được vào quảng đại quần chúng, trong khi họ bị thất học, bị kìm hãm trong bóng tối, đâu được như các nước khác! Đường như đọc ngay được những ý nghĩ của tôi, Dimitrôp nói tiếp: “Quần chúng có nhiều cái đáng cho ta học hỏi”. Suốt dọc đường về, tôi nghĩ mãi về lời nói đó. Sau này tôi thấy rõ rằng Dimitrôp đã nói đúng. Có thể học hỏi được rất nhiều điều ngay cả ở một người dân bị thất học nhất”.

Blaga Dimitrôva cũng được Đại sứ Bungari tại Việt Nam, tên là Grécốp kể lại một câu chuyện mà bà có ghi lại trong bài viết của mình:

“*Khi bác sĩ Andrây Bansép², bác sĩ của chúng ta hy sinh ở Việt Nam trong khi làm nghĩa vụ quốc tế của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân đến sứ quán Bungari và không cầm được nước mắt, hỏi: “Chúng ta sẽ báo tin cho mẹ đồng chí đó như thế nào?”.*

Một năm sau đó, tức mùa hè 1957, khi dẫn đầu phái đoàn Đảng và Nhà nước ta sang thăm hữu nghị chính thức Bungari, dù hết sức bận rộn với một chương trình

(1) Nhà hoạt động quốc tế lỗi lạc (người Bungari, nguyên Tổng Bí thư Quốc tế Công sản). T.D.

(2) Bác sĩ A.N. Bansép sinh ngày 10-5-1916 và mất ngày 20-12-1956 trong khi làm nghĩa vụ quốc tế giúp nhân dân ta bảo vệ sức khỏe. Mộ của bác sĩ được đặt tại nghĩa trang quốc tế ở Sơn Tây.

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

hoạt động sít sao, Bác đã đề nghị được gặp bà cụ sinh ra bác sĩ Bansép. Blaga Đimitrôva viết: *"Những vấn đề quan trọng quốc gia không làm cho Người quên sự quan tâm đến một bà mẹ có đau thương"*.

Chính bà mẹ ấy đã kể lại cho Blaga Đimitrôva kỷ niệm rất cảm động về cuộc gặp gỡ ấy và sự thông cảm qua giọng nói ấm áp của Người.

(Theo sách "Bông hồng của Bác")

NỮ ĐỒNG CHÍ RÔDA MISEN TRONG TRÍ NHỚ CỦA BÁC HỒ

Nhận lời mời của Chủ tịch Vinhem Pích, Bác Hồ đã thăm hữu nghị chính thức nước Cộng hoà Dân chủ Đức ngày 25-7 đến 1-8 năm 1957. dịp ấy, Người đã gặp lại nhiều bạn chiến đấu cũ ở Đức, từng gặp và hoạt động chung tại Quốc tế Cộng sản cũng như trong phong trào cách mạng Đức. Bác đã cùng các vị đó, nhất là với Chủ tịch Vinhem Pích, Bí thư thứ nhất Trung ương Đảng xã hội chủ nghĩa thống nhất Đức Vantơ Unbrích, Thủ tướng Chính phủ Ôttô Grôtvôn, nguyên Uỷ viên dự khuyết Ban thường vụ Quốc tế Cộng sản Phrănxơ Đalem... ôn lại những kỷ niệm đẹp từ ngót 30 năm trước.

Cũng dịp ấy, Bác gặp lại một nữ đồng chí người Pháp, đó là Rôda Misen. Trên sân bay trung tâm Béclin, giữa hàng ngàn đại biểu và quần chúng nồng nhiệt chào đón Bác, Bác đã chợt nhận ra một phụ nữ trên đầu có hai thứ tóc.

Người bước lại gần, thân mật hỏi:

- Cô đây à, cô Rôda?

- Vâng, kính chào đồng chí Chủ tịch!

Người phụ nữ ấy hiện là phóng viên thường trú của báo Nhân đạo của Đảng Cộng sản Pháp ở Béclin, đã

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

từng được gặp Bác tại trụ sở Đảng xã hội Pháp, rồi tại Đại hội Tua (Tours) năm 1920 - đại hội thành lập Đảng Cộng sản Pháp mà Nguyễn Ái Quốc là một thành viên sáng lập. Mùa hè năm ấy, Rôda về Pháp nghỉ, nhưng vừa được tin Bác Hồ sang thăm Cộng hoà Dân chủ Đức, bà đã "trở về ngay vị trí chiến đấu của mình" - nói theo cách của bà. Được Bác Hồ nhận ra mình sau ngót 33 năm, Rôda sung sướng nói với mọi người: "Bác Hồ có một sức nhớ thật là đặc biệt!"

Còn đối với Bác Hồ, cuộc gặp tình cờ này chắc hẳn làm Bác xúc động nhiều, vì dọc đường từ sân bay vào thành phố, ngồi cùng xe với ông bà Thủ tướng Grôtvôn, Người vẫn còn nhắc tên "cô Rôda bé nhỏ" ngày xưa... Bác Hồ nói:

- Cô Rôda bé nhỏ thế mà bây giờ cũng có cháu gọi bằng bà rồi đấy! Tôi còn nhớ như in hình ảnh của Rôda tại một cuộc họp cách đây 33 năm. Cô từ Pari đến, mặc chiếc áo lụa óng ả màu hồng. Lúc cô bước lên diễn đàn, người ta chăm chú theo dõi cả dáng đi nhẹ nhàng của cô và có cảm tưởng trước mặt họ là một con bướm hồng, chứ không có dáng vẻ gì là một chiến sĩ cả. Nhưng rồi cô ấy đã nói, và nói rất hay về chủ nghĩa cộng sản. Nghe cô nói, ai cũng im lặng lắng nghe và đều nhận ra rằng đó là tiếng nói của một chiến sĩ thực sự. Thế đấy, dưới làn áo lụa hồng là một trái tim quả cảm...

*(Theo "Nhật ký" của bà Irênê Môde,
"Hồi ký" của bà Giôhanna Grôtvôn
và sách "Bác Hồ như chúng tôi đã biết")*

TỪ NHỮNG CÂU HỎI THÂN TÌNH

“Cô ấy có lớn lên được tí nào không?”

Tại Đại hội Chiến sĩ thi đua toàn quốc lần thứ nhất họp năm 1952 ở chiến khu Việt Bắc, ông La Văn Cầu là một trong bảy anh hùng được tôn vinh. Vợ ông, bà Trần Thị Thanh, năm đó mới 16 tuổi, được Bác Hồ khen là chiến sĩ thi đua trẻ nhất. Nhiều năm sau, tại một kỳ họp Quốc hội ở Thủ đô Hà Nội, trong giờ nghỉ, Bác Hồ nhận ra ông Cầu, gọi ông lại và hỏi thăm tình hình đời sống gia đình, đặc biệt là bà mẹ của ông. Về gia đình riêng, ông Cầu thưa với Bác:

- Cháu đã có vợ, có ba con, một gái hai trai ạ!

Khi có người giới thiệu vợ ông chính là người chiến sĩ thi đua 16 tuổi năm xưa, Bác Hồ nhớ ra ngay. Bác cười rất vui:

- Thế bây giờ cô ấy có lớn lên được tí nào không?

(Theo báo Người Hà Nội, số 51, ra ngày 19-12-2008)

“Cháu còn nhớ món bánh tráng đậu không?”

Chị Trần Thị Nhâm (tức Lý) là một trong những người con miền Nam anh hùng được Bác Hồ rất thương yêu. Chiến đấu trong lòng địch, chị từng bị Mỹ - nguy tra tấn hết sức dã man, đã được đưa ra miền Bắc cứu chữa. Bác gọi chị là “Cô gái miền Nam của Bác”, là “Cô gái miền Nam anh hùng”, hoặc “Cô khách quý miền Nam”, “Cô khách quý Quảng Nam”... Chị được Bác dành cho cái lệ riêng: được đến Phủ Chủ tịch vào mỗi chiều thứ 7 và thỉnh thoảng được Bác giữ lại ăn cơm... Bác thường gấp thức ăn cho chị, nhắc chị ăn cho no. Có lần đang ăn, Bác hỏi chị:

- Cháu có biết bà con Quảng Nam thích ăn và hay đãi khách món gì không?

Chị Lý lúng túng, chưa biết trả lời thế nào, Bác nhắc:

- Cháu còn nhớ món bánh tráng đậu không? Cả món bánh tráng với rau muống sống nữa. Hôm nào Bác phải thết cháu, cô khách quý Quảng Nam, món đó mới được!

Có một lần, vào thăm Bác, chị được người thư ký riêng của Người cho biết Bác đang làm việc trên nhà sàn. Tiện tay chị ngắt năm bông hồng ở vườn lên tặng Bác, khi nhận hoa, Bác nói:

- Bác chỉ còn 19 bông hồng. Cô gái miền Nam ngắt mất năm bông, vậy là chỉ còn 14 bông ở bên trái...

(Theo sách “Những người con đồ đấu của Bác”)

“Dạo này cháu ăn được mấy bát cơm?”

Anh hùng Nguyễn Thị Chiên được Bác rất thương vì hoàn cảnh chị mồ côi từ nhỏ, cha mẹ chết đói. Bác rất quan tâm đến công ăn việc làm, đến hạnh phúc riêng của chị. Khi chị sinh cháu gái, bác vui lắm, Người hỏi thăm chị luôn. Gặp chị, Bác thường hỏi: “Cái đi có ngoan không?”, “Cái đi biết đi chưa?”...

Hỏi chị sinh con được hai tháng, Bác thấy chị khỏe, Bác rất vui. Người hỏi chị:

- Dạo này cháu ăn được mấy bát cơm?

Chị thưa với Bác là ăn được ba bát.

Bác vui vẻ nói đùa với những người đứng gần:

- Ngày kháng chiến, cháu Chiên ăn sáu bát, nhưng chỉ ăn năm, còn một bát để phần cho Bác.

(Theo sách “Những người con đỡ đầu của Bác”)

BÁC NHỚ CÂU CHUYỆN ÔNG BỤT THỜI THƠ BÉ

Một buổi tối ở ATK (An toàn khu), khi chiến dịch Điện Biên Phủ mở màn, Bác Hồ cùng một nhà báo Nga đi xem vở kịch “*Chị Tám - Anh Điện*” do văn công trình diễn. Sau buổi diễn, Bác ngồi nói chuyện với một số cán bộ, thanh niên. Bác kể:

- Đạo ấy, Bác lên bảy, lên tám gì đó, trong làng có người con gái đi ở bị nhà chủ hành hạ cho đến chết. Nhân đó, Bác được bà mẹ kể cho nghe chuyện “*Tám Cám*”. Bác rất xúc động, ước mình có phép như ông Bụt để cứu những người con gái nghèo khổ trong làng... Sau này, Bác được biết thêm nhiều chuyện của các nước có nội dung tương tự như “*Lọ Lem*” của Pháp, “*Người ăn mày vàng*” của Nga, “*Bò vàng*” của Triều Tiên...

Bác quay về phía nhà báo Nga, nói:

- Thì ra trên thế giới này, số phận những cô tám, những người con gái lao động nghèo khổ, nhân hậu ở mọi nơi đều có những nét chung giống nhau. Nhân dân lao động dù ở châu Âu, châu Á hay châu Phi, khu vực Á Rập, cũng đều có những số phận đắng cay như nhau và đều có mơ ước chung vươn tới một cuộc đời tốt đẹp.

Trong câu chuyện, Bác nhớ đến vụ quân Pháp tàn sát phụ nữ trẻ em ở chợ Cháy (Hà Đông) và những tin

TRẦN ĐƯƠNG

tức vùng tự do hăng hái sản xuất di dân công phục vụ chiến dịch Điện Biên Phủ. Bác nói tiếp:

- Mọi sự so sánh đều què quặt. Nhưng nếu đứng về một mặt nào đó thì Đảng chúng tôi bây giờ cũng đang đóng vai trò một ông Bụt - ông Bụt trong nhân dân có đủ phép màu nhiệm giúp đỡ người đời.

Trong giây phút ấy, Người như mơ màng nhớ lại câu chuyện ông Bụt mà bà mẹ của Người đã kể năm xưa.

(Theo sách "Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt")

“MỘT THIÊN TÀI VỀ NGOẠI NGỮ”

Có một tờ báo ở Hồng Kông viết rằng: thời hiện đại có ba nhà ngôn ngữ cự phách; đó là ông Gulich, người Ba Lan am tường 14 tiếng nước ngoài; Cụ Hồ Chủ tịch rành 12 thứ tiếng ngoại quốc và ông Tiền Chung Thư, người Trung Quốc, biết ít nhất 8 ngoại ngữ. Bài báo này viết:

“Sau thắng lợi lừng lẫy ở Điện Biên Phủ, Chủ tịch Hồ Chí Minh tổ chức một buổi chiêu đãi có khá nhiều khách quốc tế đến dự. Nội khổ tâm của khách là sự bất đồng ngôn ngữ. Nhiều người Nga không biết tiếng Pháp, nhiều người Trung Quốc không nghe được tiếng Anh... Lúc ấy rất thiếu người phiên dịch và dường như chỉ có người Việt Nam phiên dịch tiếng Pháp.

Trước tình hình đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh đích thân phiên dịch nhiều thứ tiếng. Và cũng chính vì thế, người ta mới có dịp được biết Cụ thông thạo nhiều ngôn ngữ đến thế. Mọi người có mặt hết sức ngạc nhiên vì đây là một nhà chính trị, nhà quân sự miệt mài nơi núi rừng Việt Bắc lại nói lưu loát các thứ tiếng: Trung, Anh, Pháp, Nga... như vậy. Người nói trôi chảy tự nhiên và rất chuẩn. Tài ngoại giao của Người khôn khéo và linh hoạt. Trong số các vị lãnh tụ trên thế giới, đây là hiện tượng hiếm có. Chính cuộc

đời hoạt động sôi nổi ở nhiều nước đã tạo điều kiện để lãnh tụ Hồ Chí Minh tiếp xúc với nhiều ngoại ngữ. Phải thừa nhận rằng Cụ Hồ Chí Minh là một thiên tài về ngoại ngữ. Người có thể nói chuyện bằng tiếng Nga với Stalin, thảo luận với Mao Trạch Đông bằng Trung văn, trao đổi ý kiến với các lãnh tụ Đảng cộng sản Pháp bằng tiếng Pháp, trả lời với các nhà báo bằng tiếng Anh..."

Tác giả bài báo kết luận:

"Quả thật, có thể xếp Hồ Chí Minh vào hàng cự phách trong lĩnh vực ngôn ngữ một cách xứng đáng, đầy tự hào".

Bà Giô-hơn-na, vợ của Thủ tướng Ôt-tô Grô-thơ-vôn cũng có lần nói: "Chủ tịch Hồ Chí Minh là một thiên tài về ngoại ngữ!". Bà kể: "Người nói chuyện với chúng tôi bằng tiếng Pháp, tiếng Đức và tiếng Nga. Tôi nhớ hình như Bác biết bảy thứ tiếng cả đấy..."

Bà Irê-nê Mô-đê, một người Đức đã nhiều lần được cử làm phiên dịch tiếng Pháp cho Bác Hồ, vết trong hồi ký của mình rằng, một lần đến thăm lão tàng tranh ở thành phố Drexden, bà không ngờ Bác Hồ - vị lãnh tụ cách mạng vĩ đại lại có những hiểu biết sâu rộng về hội họa đến thế! Hôm ấy bà đã làm việc rất căng thẳng, vì nhiều khái niệm hội họa rất xa lạ với bà, bà tỏ ra lúng túng thực sự. Tuy vậy, bà vẫn hào hứng, vì qua đây bà học được nhiều điều quý giá từ kiến thức và ngôn ngữ của Bác Hồ.

Một cán bộ phiên dịch khác là Ua-du-la Bà-rôi-thơ nhận xét:

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

"Tiếng Pháp của Người rất chuẩn xác, rõ ràng, dễ hiểu, không hề cầu kỳ, phức tạp. Thật sung sướng được dịch cho một vị lãnh tụ như vậy".

Qua nhiều sách báo, chúng ta đều biết tấm gương kiên trì học ngoại ngữ của Bác Hồ. Ở bất cứ nước nào, Pháp hay Nga, Đức hay Anh, Thái Lan hay Trung Quốc, bao giờ Người cũng nêu quyết tâm hàng ngày học được một số từ nhất định. Có lần, Bác tâm sự với nữ nhà báo Pháp Ma-đơ-len Ríp-phơ như sau: "Trước kia, hồi Bác mới trưởng thành, Bác đi làm phụ bếp, nấu bếp trên một chiếc tàu, con có biết Bác đã học tiếng Pháp của con như thế nào không? Bác quyết tâm mỗi ngày phải biết thêm 10 chữ, không cần nhiều hơn, nhưng không được kém. Bác viết 10 chữ ấy lên tay áo, vừa làm Bác vừa học thuộc lòng". Và, như một người cha thân yêu trong nhà, Bác nói với Ríp-phơ: "Bác rất trách con điều này - từ lúc con viếng thăm mọi nẻo đường của đất nước Bác đến nay, giọng nói tiếng Việt Nam của con chẳng Việt Nam hơn được chút nào. Từ ngữ vẫn là từ ngữ của một đứa trẻ".

Gặp các cán bộ ngoại giao, Bác Hồ luôn luôn khuyên họ: "Các chú, các cô phải chăm học ngoại ngữ, phải xem được, nói được tiếng nước sở tại". Trong một cuộc gặp gỡ các đại sứ về nước dự hội nghị, Bác hỏi một vị:

- Chú công tác ở nước nào?
- Thưa Bác, cháu làm đại sứ ở...
- Chú đã học tiếng nước này chưa?
- Thưa Bác, có ạ!
- Thế được bao nhiêu chữ rồi?
- Dạ... (Đại sứ lúng túng và ấp úng)

- Thế là chưa đủ! Tôi đây chú cần kiên trì và có phương pháp học thì mới có kết quả.

Một đại sứ khác viết: *"Chúng tôi rất thấm thía về lời khuyên bảo của Bác, một người đã từng bôn ba cứu nước và trải qua nhiều khó khăn gian khổ, nhưng đã tinh thông hàng chục thứ tiếng nước ngoài. Nhiều tiếng, Bác thông thạo đến mức "xuất khẩu thành chương".*

(Theo các sách: "Những người con đỡ đầu của Bác",
"Bác Hồ trong trái tim các nhà ngoại giao",
"Hồ Chí Minh cứu tinh dân tộc Việt",
"Bác Hồ như chúng tôi đã biết" ...)

“DÂY LÀ CHÚ “MẮN TUỒNG”!”

Hồi ở chiến khu Việt Bắc, trong một tối liên hoan mừng đại hội thành lập Mặt trận liên Việt, phần lớn các tiết mục đều là “tự biên tự diễn”. Nhà thơ Tố Hữu ngâm thơ, Bộ trưởng Phan Anh lấy *Kiều*. Đang giữa cuộc, Bác ra hành lang gặp hai nhà điện ảnh và kéo vào góp vui. Một trong hai nhà điện ảnh ấy bị Bác đẩy ra “sân khấu”, mặc dù ông chưa kịp chuẩn bị gì.

- Xin giới thiệu chú “ảnh sĩ” góp vui!

Bị bất ngờ quá, nhà điện ảnh đứng ngây ra một lúc. Nhưng rồi trấn tĩnh lại, ông nhớ đến một lớp tuồng mà hồi 13, 14 tuổi ông rất thích và thường múa may trong những lúc cao hứng. Mới đầu còn rụt rè, vấp vấp, sau mới trấn tĩnh lại được. Một mình ông sắm luôn cả mấy vai. Không ngờ “tiết mục” lại được hoan nghênh, cả hội trường vỗ tay rôm rả và được Bác Hồ thưởng cho một liều thuốc lá thơm.

Chuyện nhỏ ấy cũng được Bác nhớ rất lâu. Nhiều năm sau, khi nhà điện ảnh này được giao nhiệm vụ vào Phủ Chủ tịch chiếu phim cho Bác xem, Bác chỉ vào ông và hỏi Thủ tướng Phạm Văn Đồng:

- Chú có nhớ đây là chú nào không?

- Dạ thưa Bác có. Chú ấy chụp ảnh hồi ở ATK (An toàn khu).

Bác mỉm cười lắc đầu:

- Không phải!

Nhà điện ảnh hơi ngạc nhiên. Thủ tướng Phạm Văn Đồng trả lời đúng sao Bác lại bảo không, chắc là Bác đang dành cho một điều lý thú nào đây. Bác nói tiếp:

- Đây là chú “mân tuồng”!

Nghe thấy thế, Thủ tướng Phạm Văn Đồng và nhà điện ảnh đều cười vui vẻ bên Bác.

(Theo sách "Còn mãi những khoảnh khắc")

NGƯỜI VẼ NHỚ NHỮNG PHỐ NHỎ NGÀY XƯA

Trong một bài viết của mình về Chủ tịch Hồ Chí Minh, nữ nhà báo Pháp Ma-đơ-len Ríp-phô cho biết: sau nhiều năm trời, Bác Hồ vẫn nhớ tên và thăm hỏi về từng chiến sĩ cách mạng Pháp đã từng hoạt động với Người. Không phải là những câu hỏi xã giao, lấy lệ. Từ đáy lòng, Người quan tâm đến từng người.

Không những thế, Người còn nhắc lại thời hoạt động bí mật, nửa bí mật, Người ở trọ ở một góc phố nhỏ, gần quảng trường Italia bấy giờ. Phố ấy tên là Xinh Xẩn (Gracieux). Nhưng Bác nói: “Dãy phố ấy nghèo - chẳng “xinh xắn” đến thế đâu!”

Một lần tiếp Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn thanh niên Công-xô-môn, Bác cùng anh dạo bước trong vườn, nói chuyện bằng tiếng Nga. Bác kể cho anh nghe những lần Bác ở Liên Xô trong những năm 20, 30 của thế kỷ XX, nói rõ phố nào, người nào, như: “Phố ấy ngày xưa là chợ”, “Hồi đó nước Nga còn nghèo, nữ đoàn viên thanh niên không được bôi môi son”.

*(Theo sách “Theo bước chân Người”.
“Những người con đồ dầu của Bác”)*

BÁC VIẾT “VIỆT NAM LỊCH SỬ DIỄN CA”

Trong một thiên Hồi ký, Đại tướng Võ Nguyên Giáp cho biết: Năm 1941, giữa những đêm đông giá lạnh, Bác Hồ đã viết cuốn lịch sử Việt Nam bằng thơ lục bát, ghi lại tất cả những phong trào chống ngoại xâm từ trước đến nay.

Tập *Diễn ca* mà Đại tướng kể trên, được Việt Minh tuyên truyền Bộ xuất bản tháng 2-1942, dài 208 câu, mở đầu bằng câu:

“Dân ta phải biết sử ta

Cho tường gốc tích nước nhà Việt Nam”

Đọc *Diễn ca* lịch sử này, ta thấy Bác Hồ điểm lại đường như không thiếu một sự kiện lớn, một tên tuổi lớn nào trong lịch sử dân tộc, kể từ ngày Hùng Vương dựng nước (*“Hùng Bàng là Tổ quốc ta”*) cho đến *“Trước ngày khởi nghĩa Việt Nam bắt đầu”*.

Phía cuối, sau *Diễn ca*, là một phụ lục, Bác ghi những năm quan trọng, gần như biên niên của 30 thời điểm, dấu mốc của những bước ngoặt lịch sử của đất nước. Ở dòng đầu, Bác viết: *“Trước Tây lịch; năm 2879: Hùng Bàng và dòng cuối: 1945: Việt Nam Độc lập.”*

Điều đáng ngạc nhiên là tập *Diễn ca* được viết vào thời điểm ấy, trong một hang sâu rừng núi, không tài

TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT CỦA BÁC HỒ

liệu tra cứu, không chuyên gia để trao đổi. Bác đã ghi rất chính xác các sự kiện lịch sử chính yếu của dân tộc.

Nhờ đâu và bằng cách nào nếu không phải là sự xuất thần của một bộ óc mẫn tiệp, đầy nhạy cảm, một năng khiếu bẩm sinh được tinh luyện bằng ánh sáng từ trái tim một con người có bề dày tri thức và kinh nghiệm, thấm nhuần văn hoá cổ kim đông tây, có cả một quá trình quan sát, chiêm nghiệm thực tiễn cách mạng ở hàng loạt nước chính quốc và thuộc địa, sau mấy mươi năm bôn ba tìm đường cứu nước, giải phóng dân tộc mình.

Viết *Diễn ca* trong tình huống lịch sử đặc biệt nói trên, rõ ràng Bác có một trí nhớ đặc biệt, hết sức kỳ diệu. Đồng thời, cũng ở *Diễn ca* này, ta thấy Người là một nhà dự báo thiên tài: sự tiên đoán của Người trong tập *Diễn ca* lịch sử này có trước sự kiện “*Việt Nam độc lập*” (1945) hơn bốn năm!

(Theo sách “*Hồ Chí Minh nhà dự báo thiên tài*”)

MỤC LỤC

• “HỌC CHỮ ĐỂ LÀM NGƯỜI”	5
• CUỐN SÁCH THỜI THƠ ẤU	9
• “CÀNG XA MỜI CÀNG NHỚ CHỮ!”	13
• “CHỮ ĐI LÂU MÀ CHỦ NHỚ TÀI THẾ?”	22
• NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BUỔI ĐẦU GẶP BÁC	24
• BÁC HỒ TÓM TẮT TRUYỆN TÂY DU KÝ	26
• TỪ CÂU CHUYỆN CỦA BÁC HỒ VỚI NHÀ BÁO ĐỨC PHABE	30
• “BÂY GIỜ CHIẾC MŨ LẠI TRỞ VỀ VỚI CHỦ CỦA NÓI!”	34
• “SAO NGƯỜI LẠI NHỚ LÂU ĐẾN THẾ!”	36
• “BỆNH DẠ DÀY CỦA ĐỒNG CHÍ ĐÃ ĐỖ CHƯA?”	37
• “CÔ VẪN HAI CHÁU ĐẤY CHỮ?”	41
• “BÁC HỒ CẢM ƠN LINBAI!”	43
• BÁC HỒ KỂ CHUYỆN VỀ QUÁ TRÌNH TÌM ĐẾN CHỦ NGHĨA MÁC	44
• “HỒI CÒN Ở PARI, BÁC ĐÃ NGHE MÔRÍT XƠ XVALIÊ HÁT...”	47
• “THẬT KHÔNG NGỜ, HƠN HAI NĂM RỒI, BÁC VẪN NHỚ TÊN TÔI, NHỚ NGÀY THÁNG CHIẾN ĐẤU CỦA CHÚNG TÔI”	51
• BÁC HỒ LUÔN NHỚ ĐẾN CÁC “CON ĐỒ ĐẤU” CỦA MÌNH	54
• TỪ CÂU CHUYỆN CỦA ĐẠI SỨ PHUYTXNE	57

• Ở HẮC HẢI, NHỚ NHẬT LỄ	61
• BÁC HỒ VỚI KIỆT TÁC <i>CHINH PHỤ NGÂM</i>	63
• TRÍ NHỚ TUYỆT VỜI	74
• MỘT "SỰ KIỆN VĂN CHƯƠNG" LÝ THƯỜNG KIỆT	76
• NHỮNG KỶ NIỆM VỀ BÀ TỔNG KHÁNH LINH	78
• BÁC KỂ CHUYỆN CỔ TÍCH VỀ NGOẠI GIAO	81
• CẢNH CŨ NGƯỜI XƯA... ..	84
• VỚI NGƯỜI BẠN NHỎ NĂM XƯA	88
• "SUỐT ĐỜI TÔI VẪN NHỚ..."	91
• NỮ DỒNG CHÍ RÔDA MISEN TRONG TRÍ NHỚ CỦA BÁC HỒ	94
• TỪ NHỮNG CÂU HỎI THÂN TÌNH	96
"Cô ấy có lớn lên được tí nào không?"	96
"Cháu còn nhớ món bánh trắng đậu không?"	97
"Dạo này cháu ăn được mấy bát cơm?"	98
• BÁC NHỚ CÂU CHUYỆN ÔNG BỤT THỜI THƠ BÉ	99
• MỘT THIÊN TÀI VỀ NGOẠI NGỮ	101
• "ĐÂY LÀ CHỦ "MẮN TUỐNG"!"	105
• NGƯỜI VẪN NHỚ NHỮNG PHỐ NHỎ NGÀY XƯA	107
• BÁC VIẾT "VIỆT NAM LỊCH SỬ DIỄN CA"	108

TRẦN DƯƠNG



TRÍ NHỚ ĐẶC BIỆT
CỦA
BÁC HỒ



PHẦN QUÁT BẢN THANH NIÊN

